

Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận vốn vay của các DNNVV

ĐẶNG THỊ HUYỀN HƯƠNG*

Để đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) thường huy động từ nhiều nguồn khác nhau, như: các ngân hàng và tổ chức tín dụng (TCTD), người thân, bạn bè... Tuy nhiên, nguồn vốn vay chính thức từ phía các ngân hàng và TCTD mới đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động lâu dài và ổn định. Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận nguồn vốn vay chính thức của các DNNVV Việt Nam và đưa ra một số giải pháp.

THỰC TRẠNG NGUỒN VỐN VAY CHÍNH THỨC CỦA DNNVV VIỆT NAM

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Huệ (2013), cơ cấu vốn của DNNVV có các nguồn chính, như sau: Vốn tự có là 36,25%; Vốn vay TCTD là 45,31%; Vốn khác là 18,44%.

Nguồn vốn chủ sở hữu hạn chế đã ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh các DNNVV luôn phải đi vay một lượng vốn khá lớn. Nhu cầu về nguồn vốn vay của DNNVV tương đối cao.

Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, các TCTD tại Việt Nam hiện nay khá đông đảo, với 05 ngân hàng thương mại nhà nước, 34 ngân hàng thương mại cổ phần, 04 ngân hàng liên doanh, 05 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 18 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, và gần 1.100 quỹ tín dụng. Đa số các TCTD có trụ sở tại TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh, mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch phân bố rộng khắp trên cả nước, đây chính là nhà cung cấp nguồn vốn vay chính thức đáp ứng nhu cầu hoạt động ngày càng tăng của các DNNVV Việt Nam.

Để tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn vay chính thức, trong

thời gian qua, Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ DNNVV, chương trình hỗ trợ lãi suất, nhất là các chính sách bảo lãnh tín dụng. Trong đó, Ngân hàng Phát triển Việt Nam VDB là cơ quan đầu mối quan trọng triển khai các chương trình bảo lãnh tín dụng. Đến cuối năm 2013, VDB đang quản lý cho vay trên 800 DNNVV với dư nợ trên 12.000 triệu đồng. Đến hết năm 2014, tổng dư nợ cho DNNVV đạt khoảng hơn 917.979 triệu đồng. Dự báo sẽ đạt con số hơn 957.791 triệu đồng năm 2015. Đây là các tín hiệu tích cực để khơi thông dòng vốn tín dụng phục vụ nhu cầu phát triển của DNNVV (Bảng).

BẢNG: DƯ NỢ CHO VAY GIAI ĐOẠN 2010-2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu dư nợ	2010	2011	2012	2013	2014
Cho vay nền kinh tế	1.954.977	2.518.114	2.973.765	3.013.840	3.401.114
Cho vay DNNVV	527.844	881.340	862.392	871.000	917.979
Tỷ trọng cho vay DNNVV	27,0%	35,0%	27,9%	28,9%	27,0%

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

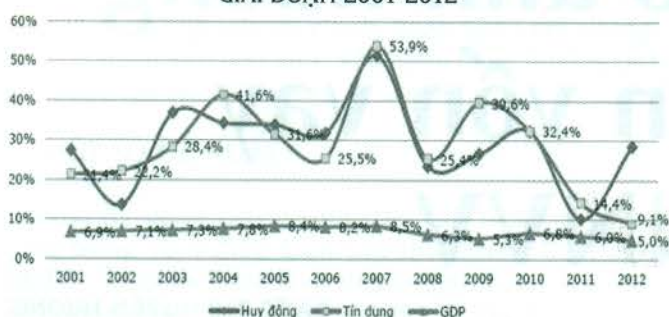
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VAY

Nhân tố bên ngoài

Thứ nhất, môi trường kinh tế và chính sách vĩ mô của Nhà nước. Sự phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các TCTD và tạo môi trường thuận lợi để mở rộng hoạt động cho vay. Trong giai đoạn nền kinh tế phát triển ổn định, các

* ThS., Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Ngoại Thương | Email: huongdth@ftu.edu.vn

HÌNH: TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY
GIAI ĐOẠN 2001-2012



Nguồn: Báo cáo ngành ngân hàng 2014, VPBS.

doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nguồn tiền huy động trong nền kinh tế tăng nhanh, thì nguồn vốn cho vay của TCTD dồi dào hơn. Ngược lại, trong thời kỳ suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, hoạt động cho vay của các TCTD bị đóng băng.

Nhìn lại nền kinh tế Việt Nam năm 2010 và năm 2011, lạm phát và giá cả tăng cao, thị trường tài chính biến động phức tạp, bất ổn về kinh tế vĩ mô khiến nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Đứng trước những thách thức đó, nhằm kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ với hàng loạt biện pháp kiểm soát tín dụng, hạn chế cung tiền, kiểm soát lãi suất... Năm 2011, cung tiền M2 chỉ tăng khoảng 12,5%, giảm mạnh so với mức tăng 33,3% năm 2010, tín dụng cả năm chỉ tăng 12% (so với mức tăng 32,4% của năm 2010).

Cùng với việc thắt chặt tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cũng hướng dòng tín dụng đến khu vực sản xuất và hạn chế tín dụng vào khu vực kinh doanh bất động sản và chứng khoán. Năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 13% và lãi suất hiện chỉ bằng 50% so với cuối năm 2011. Điều đó phản ánh tính thanh khoản của các TCTD đã ổn định, chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước đã có hướng khởi thông dòng vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có các DNNVV.

Thứ hai, đặc điểm kinh doanh của các TCTD. Các TCTD hoạt động trong nền kinh tế có vai trò vừa là trung gian thực hiện các chính sách vĩ mô, nhưng cũng vừa là các DN đặc biệt. Ngoài việc đáp ứng các quy định của Ngân hàng Nhà nước, chính sách đi vay của từng TCTD cũng tác động đáng kể đến hoạt động cho vay. Hai nhân tố có ảnh hưởng rõ nét nhất đó là nguồn vốn của TCTD và chính sách cho vay của TCTD.

Tại Việt Nam, mặc dù đã có bước tăng trưởng vượt bậc về vốn song so với các ngân hàng thương mại trong khu vực, nguồn vốn của các TCTD tại Việt Nam vẫn còn rất khiêm tốn. Quy mô vốn trung bình là 7.651 tỷ đồng/TCTD, do đó quy mô cho vay cũng bị hạn chế. Ngoài ra, nguồn vốn huy động trong nền kinh tế thấp dẫn đến lượng cho vay thấp. Trong giai đoạn 2010-2011, tỷ lệ cho vay trên vốn huy động của các TCTD

ở Việt Nam giảm sút đáng kể, nhưng đã bắt đầu có xu hướng cải thiện trong các năm gần đây (Hình).

Ngoài ra, đối với từng TCTD, các quy định liên quan đến giới hạn mức cho vay đối với từng ngành nghề, loại hình kinh doanh, kỳ hạn cho vay, phương thức cho vay, tỷ lệ cho vay trên từng loại tài sản đảm bảo, quy định về định giá tài sản đảm bảo... có tác dụng trực tiếp đến việc quyết định cho vay của TCTD, do đó ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn vay chính thức của DNNVV.

CÁC NHÂN TỐ BÊN TRONG DNNVV

Để tiếp cận được nguồn vốn vay chính thức, DNNVV phải đáp ứng các điều kiện cho vay nghiêm ngặt của các TCTD. Đối với các DNNVV, việc đáp ứng các điều kiện cho vay này là rất khó khăn, kết quả điều tra của Nguyễn Thị Minh Huệ (2013) cho thấy, khó khăn về tiếp cận vốn vay vẫn là rào cản chủ yếu đối với DNNVV và các khó khăn này chủ yếu xuất phát từ chính nội tại bên trong các doanh nghiệp:

Một là, mỗi ngành nghề kinh doanh có những đặc điểm, tính chất hoạt động khác nhau, gây ảnh hưởng lớn đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do vậy, các TCTD trong từng thời kỳ đều có những ưu tiên hoặc hạn chế nhất định đối với hoạt động cho vay một số ngành nghề kinh doanh. Các ngành được coi là hấp dẫn và tiềm năng năm 2014 là: Khai thác, sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất, kinh doanh sản phẩm dịch vụ được phẩm, y tế; sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, đồ uống¹. Các ngành bị thu hẹp cho vay là: Kinh doanh bất động sản; đánh bắt, chế biến, kinh doanh thủy, hải sản; đóng tàu, kinh doanh dịch vụ vận tải thủy; sản xuất, kinh doanh gang, sắt, thép, inox; sản xuất, kinh doanh xi măng.²

Hai là, quy mô của DNNVV. Quy mô doanh nghiệp được đánh giá qua tiêu chí: vốn, doanh thu, số lao động và quy mô lợi nhuận. Quy mô vốn của DNNVV ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh và năng lực tài chính của doanh

¹ Chính sách tín dụng Ngân hàng Quân đội, 2014, ² Chính sách tín dụng Ngân hàng Techcombank, 2014

ngành trên thị trường, do đó ảnh hưởng đến quyết định cho vay của TCTD. Tại Việt Nam, mặc dù số lượng các DNNVV chiếm 97%, nhưng chỉ đóng góp 40% tổng nguồn vốn kinh doanh, với quy mô vốn nhỏ đang thực sự là rào cản khiến DNNVV khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn vay chính thức.

Ba là, thời gian hoạt động của DNNVV. Tại hầu hết các TCTD khi xét duyệt cho vay các doanh nghiệp phải có thời gian hoạt động từ 2 năm trở lên, các doanh nghiệp mới thành lập chưa có thời gian để TCTD đánh giá lịch sử tín dụng, uy tín, năng lực của lãnh đạo, do đó TCTD khó quản trị rủi ro tín dụng. Ngoài ra, thông thường TCTD thường đánh giá báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tối thiểu 2 năm, nên đối với các doanh nghiệp vừa mới thành lập, khả năng đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình tài chính của doanh nghiệp là chưa đảm bảo độ tin cậy cho các quyết định của ngân hàng.

Bốn là, lịch sử tín dụng của DNNVV. Theo quy định của hầu hết các TCTD hiện nay, để tiếp cận được nguồn vốn vay các DNNVV phải có lịch sử tín dụng tốt, không phát sinh nợ quá hạn trên 90 ngày trong thời gian 12 tháng gần nhất. Như vậy, để có thể được tiếp tục vay vốn tại các TCTD, DNNVV phải đảm bảo không có nợ quá hạn tại các TCTD, trường hợp DNNVV đang có nợ quá hạn tại các TCTD khác, khoản vay sẽ bị từ chối.

Năm là, năng lực lãnh đạo của DNNVV. Năng lực lãnh đạo của DNNVV là yếu tố căn bản quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Theo số liệu thống kê ở Việt Nam hiện nay, có tới 55,6% số chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ trung cấp trở xuống, tốt nghiệp đại học 37,82%, tốt nghiệp cao đẳng chiếm 3,56% và 43,3% có trình độ thấp hơn. Điều đáng chú ý là đa số các chủ doanh nghiệp, ngay cả những người có trình độ học vấn từ cao đẳng và đại học trở lên thì cũng ít người được đào tạo về kiến thức kinh tế và quản trị doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh. Điều này có ảnh hưởng lớn đến việc quản lý doanh nghiệp và do đó ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận vốn chính thức của DNNVV (Vũ Hoàng Mạnh Trung, 2014).

Sáu là, năng lực tài chính và hiệu quả kinh doanh của DNNVV. Có năng lực tài chính tốt, hoạt động kinh doanh hiệu quả, DNNVV mới có khả năng thực hiện đúng

các cam kết khi thực hiện vay vốn từ TCTD. Hiệu quả kinh doanh của DNNVV trước hết thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, tuy nhiên từ năm 2010, khó khăn kinh tế trong nước đã khiến nhiều doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, theo quy định của TCTD hiện nay, đối với các hồ sơ vay vốn của DNNVV không có lãi, bắt buộc khi cho vay doanh nghiệp phải có tài sản đảm bảo cho khoản vay, mà đối với các DNNVV tài sản đảm bảo thực sự là một rào cản lớn.

Bảy là, minh bạch báo cáo tài chính của DNNVV. Hiện nay, nguồn vốn các DNNVV chủ yếu hình thành từ cá nhân, vay người thân, nên sổ sách kế toán chủ yếu do các chủ doanh nghiệp tự quản lý, nhiều DNNVV có hai hệ thống kế toán riêng biệt. Mặt khác, phần lớn DNNVV thực hiện các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt, không có hoá đơn chứng từ, nên khó đánh giá tính minh bạch của các thông tin tài chính của DNNVV theo yêu cầu của TCTD. Trong những năm gần đây tại Việt Nam, hàng loạt các vụ gian lận trên báo cáo tài chính được phát hiện tác động không nhỏ đến niềm tin vào báo cáo tài chính của các DNNVV.

Tám là, tài sản đảm bảo của DNNVV. Do tình trạng thiếu minh bạch thông tin, TCTD không đảm bảo chắc chắn được khả năng trả nợ của DNNVV, do đó tài sản đảm bảo sẽ giúp cho TCTD không bị mất vốn trong quá trình cho vay. Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng Nhà nước, 80% cho vay nền kinh tế của các TCTD tại Việt Nam đều có tài sản đảm bảo, nhưng đây lại là một rào cản đáng kể đối với DNNVV Việt Nam.

Mặc dù số lượng các DNNVV chiếm 97%, nhưng chỉ đóng góp 40% tổng nguồn vốn kinh doanh, với quy mô vốn nhỏ đang thực sự là rào cản khiến DNNVV khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn vay chính thức.

TĂNG CƯỜNG SỰ TIẾP CẬN VỐN CỦA DNNVV

Về phía Nhà nước: Cần quan tâm đặc biệt đến duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, giải quyết nợ xấu, hạ lãi suất cho vay đảm bảo tính cạnh tranh của các DNNVV.

Tăng cường triển khai các chương trình bảo lãnh tín dụng đối với DNNVV. Ở nhiều quốc gia, các chương trình này được xem là một công cụ chủ yếu nhằm giải quyết thiếu hụt nguồn vốn của các DNNVV.

Tăng cường hoạt động hiệu quả của Quỹ phát triển DNNVV và Quỹ bảo lãnh tín dụng tại các địa phương đáp ứng nhu cầu của các DNNVV ngay tại địa bàn.

Xây dựng hệ thống thông tin minh bạch về DNNVV, ban hành các quy định liên quan đến lập báo cáo tài chính, áp dụng chế tài nghiêm khắc để các DNNVV tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán đã ban hành, đảm bảo báo cáo tài chính của DNNVV công khai,

minh bạch, trở thành công cụ cung cấp thông tin tình hình tài chính cho TCTD.

Về phía các TCTD: Các TCTD là chủ thể chính cung cấp nguồn vốn vay chính thức cho DNNVV, để tăng cường hoạt động cho vay DNNVV, TCTD cần:

- Tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu cho vay của các DNNVV.

- Xây dựng và cân đối cấu trúc cho vay phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế.

- Đa dạng hóa danh mục tài sản đảm bảo, điều chỉnh phù hợp phương pháp định giá tài sản đảm bảo trong quá trình cho vay DNNVV. TCTD cần có cơ chế thẩm định và cho vay đối với các DNNVV không có tài sản đảm bảo và đa dạng hóa các loại tài sản đảm bảo là hàng hóa, khoản phải thu, cổ phiếu, giấy tờ có giá khác.

- Nghiên cứu xây dựng một quy trình cho vay phù hợp với đặc thù DNNVV với tiêu chí vừa đảm bảo an toàn, vừa linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho DNNVV tiếp cận nguồn vốn vay.

- Phối hợp chặt chẽ với NHPT, quỹ bảo lãnh, Quỹ phát triển DNNVV để triển khai hiệu quả hoạt động bảo lãnh tín dụng và vay vốn tại các TCTD.

Về phía các DNNVV: Để cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn vay chính thức, bản thân các DNNVV phải tự chủ động:

- Nâng cao uy tín, vị thế của DNNVV trên thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với nguồn lực và điều kiện thị trường, sản phẩm, đối thủ cạnh tranh. Doanh nghiệp phải nắm rõ diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước để có chính sách đầu tư phù hợp.

- Chú trọng đến công tác quản trị tài chính, vì nó ảnh hưởng đến cơ cấu tài chính lành mạnh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ, cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là trình độ, hiểu biết về pháp luật, các quy định về cho vay sẽ có kỹ năng trình bày và lập kế hoạch kinh doanh, điều này sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ và thủ tục với TCTD.

- Minh bạch thông tin tài chính và hoạt động kinh doanh. Thiếu minh bạch thông tin TCTD không nắm bắt được tình hình hoạt động của DNNVV, cách an toàn nhất của các TCTD sẽ là yêu cầu tài sản đảm bảo. Ngoài ra, DNNVV cần tăng cường thiết lập mối quan hệ với các TCTD, trung thành với một TCTD trong các quan hệ tiền vay, tiền gửi, hoàn thiện tính pháp lý của tài sản, tham gia tích cực các hiệp hội nghề nghiệp, đóng góp các hoạt động xã hội, cộng đồng để từ đó nâng cao trách nhiệm và uy tín của DNNVV.

Nếu các giải pháp từ phía Nhà nước, TCTD và chính các DNNVV được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, các DNNVV Việt Nam sẽ có điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay chính thức tốt hơn, giúp doanh nghiệp có đủ nguồn vốn phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế. □

Abstract:

To meet the demand of funds for production and activities, SMEs often mobilize from various sources such as banks and credit institutions, relatives, friends... However, only official loans from banks and credit institutions can remain business's activities in long-term and their stability. This article is to analyze the determinants of SMEs access to official loans in Vietnam and offer some solutions.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước (2014). *Thông cáo báo chí của Ngân hàng Nhà nước về điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm, giải pháp điều hành 6 tháng cuối năm 2014*
2. Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014). *Báo cáo Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển DNNVV năm 2015*
3. Công ty Kiểm toán KPMG (2013). *Khảo sát về ngành ngân hàng Việt Nam*
4. Nguyễn Thị Minh Huệ, Tăng Thị Thanh Phúc (2013). *Giải pháp nào cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân ở Việt Nam trong thời kỳ suy thoái kinh tế: Góc nhìn từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng*, truy cập từ http://www.sbv.gov.vn/portal/contentattachfile/idecplg;jsessionid=sb1VTZjQpdvvrV032GjZnXbQwTttXrp2VnG6ZxnvcYJh77QvZyV5!2010750869!-194366112?dID=486802&dDocName=CNTHWEBAP01162508836&Rendition=nguyen%20thi%20minh%20hue.pdf&filename=1024_nguyen%20thi%20minh%20hue.pdf
5. Vũ Hoàng Mạnh Trung (2014). *Đào tạo chủ DNNVV: Thực trạng và giải pháp*, truy cập từ <http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/Dao-tao-chu-doanh-nghiep-nho-va-vua-Thuc-trang-va-giai-phap/51976.tctc>